

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M, TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày 14 - 9 - 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Hòa;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Quyết và bà Nguyễn Thị Hương.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Quàng Công Thành, Thư ký Toà án nhân dân huyện M.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Chí Công - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLST- DS, ngày 01 tháng 4 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Văn X; Nơi cư trú: T, thị trấn I, huyện M, tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Bị đơn:* anh Lò Văn H và chị Lò Thị K; Nơi cư trú: bản M, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* anh Lèo Văn T; Nơi cư trú: bản M, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 30/12/2020, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn X trình bày: Ngày 25/01/2017 vợ chồng anh Lò Văn H và chị Lò Thị K cùng nhau xác định có vay nợ anh Nguyễn Văn X số tiền 19.500.000VNĐ, các bên tiến hành lập giấy nợ tiền có chữ ký, điểm chỉ của các bên trước sự chứng kiến của anh Lèo Văn T; theo đó anh H và chị K có hẹn đến ngày 10/3/2017 sẽ trả hết số nợ cho anh X, nếu không trả thì phải chịu lãi xuất quá hạn là 02%/ tháng, tính từ ngày 25/01/2017; ngày 12/02/2018 anh H đã trả cho anh X số tiền 2.000.000VNĐ còn lại chưa trả, anh X đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh H và chị K khất lần rồi không trả nên anh X khởi kiện đề nghị buộc anh Lò Văn H và chị Lò Thị K trả số tiền còn nợ là 17.500.000VNĐ, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 15/7/2021, Tòa án tiến hành lập biên bản xác minh anh Lèo Văn T, anh T xác định việc hai bên có viết giấy nhận nợ là tự nguyện, trước sự chứng kiến của anh, anh T không có mối quan hệ thân thiết ruột thịt với anh H, chị K nên không nhận bảo lãnh và cũng không nhất trí việc anh X ghi trong đơn khởi kiện là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; việc Tòa án Thụ lý và giải quyết anh T đã báo nhiều lần cho anh H và chị K biết để chấp hành.

Ngày 27/7/2021, Tòa án tiến hành lập biên bản xác minh với Công an xã N xác định: anh Lò Văn H và chị Lò Thị K có đăng ký thường trú tại bản M, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; khi nhận được văn bản của Tòa án Công an xã đã báo cho anh H, chị K và đồn đốc họ chấp hành.

Toà án nhân dân huyện M đã giao thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ thông qua người thân, chính quyền địa phương nhưng không có kết quả nên tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng để anh Hh, chị K thực hiện quyền và nghĩa vụ, trình bày ý kiến, lý lẽ khai nhưng anh H, chị K không hợp tác cố tình vắng mặt.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 02/8/2021 anh Nguyễn Văn X giữ nguyên yêu cầu, phạm vi khởi kiện, không có yêu cầu phản tố, không ai cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu gì khác. Tuy nhiên, anh H, chị K không có mặt nên anh X đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản không hoà giải được.

Ý kiến tranh luận tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn X giữ nguyên yêu cầu buộc anh Lò Văn H và chị Lò Thị K trả số tiền còn nợ là 17.500.000VNĐ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh H và chị K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến tranh luận đối đáp.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn X yêu cầu anh Lò Văn H và chị Lò Thị K trả số tiền 17.500.000VNĐ và không tính lãi; anh Lò Văn H và chị Lò Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” do nguyên đơn anh Nguyễn Văn

X khởi kiện đối với bị đơn anh Lò Văn H và chị Lò Thị K có nơi cư trú bản M, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Lò Văn H và chị Lò Thị K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

Về tư cách người tham gia tố tụng: anh Lò Văn T xác định được ký vào giấy nợ tiền tại mục người bảo lãnh nhưng anh T xác định chỉ là người chứng kiến; xét thấy nguyên đơn không đưa ra được tài liệu xác định có sự cam kết thực hiện quyền và nghĩa vụ của anh Thẩm (người bảo lãnh) nên không đưa anh Lò Văn T tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn X thấy:

Tài liệu khởi kiện của nguyên đơn thể hiện ngày 25/01/2017 anh Nguyễn Văn X và vợ chồng anh Lò Văn H, chị Lò Thị K cùng nhau lập giấy nợ tiền, số tiền nợ là 19.500.000VNĐ, có thoả thuận về lãi và thời hạn trả nợ, có người chứng kiến và thực tiễn ngày 12/02/2018 anh H đã trả cho anh X số tiền 2.000.000VNĐ, còn nợ lại là 17.500.000VNĐ. Như vậy, xác định giấy vay nợ tiền giữa anh Lò Văn H, chị Lò Thị K với anh Nguyễn Văn X là có thật và hợp pháp, cần được thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; đối chiếu với thoả thuận trong giấy vay nợ tiền xác định ngày 10/3/2017 anh Lò Văn H và chị Lò Thị K phải trả hết số nợ cho anh Nguyễn Văn X, nhưng thực tế ngày 12/02/2018 anh H mới trả cho anh X số tiền 2.000.000VNĐ, còn lại khất lần rồi không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Mặt khác anh Lò Văn H, chị Lò Thị K đã cố tình chôn tránh vắng mặt, từ chối trình bày ý kiến, mặc dù Toà án đã thực hiện đầy đủ việc cấp, giao các văn bản tố tụng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn X, buộc anh Lò Văn H và chị Lò Thị K phải trả số tiền nợ là 17.500.000VNĐ cho anh Nguyễn Văn X.

Về lãi xuất: trong giấy nợ tiền có thoả thuận về việc trả lãi nhưng anh Nguyễn Văn X không yêu cầu về trả lãi là sự tự nguyện nên không xem xét.

[4] Về án phí: anh Lò Văn H và chị Lò Thị K không đủ điều kiện để được miễn án phí nên anh H và chị K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận là 17.500.000VNĐ x 5% = 875.000VNĐ; căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn X; buộc bị đơn anh Lò Văn H và chị Lò Thị K phải trả toàn bộ số tiền nợ là 17.500.000VNĐ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) cho anh Nguyễn Văn X.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn X có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H và chị K không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất chậm trả tính theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20% / năm.

2. Về án phí: anh Lò Văn H và chị Lò Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 875.000VNĐ (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại anh Nguyễn Văn X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 437.000VNĐ (Bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0002165, ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La.

Đương sự anh Nguyễn Văn X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lò Văn H và chị Lò Thị K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận, niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Văn Hòa**

